

Bộ Giáo dục và Đào tạo
trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Tp
HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

ẢNH 4x6

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính.

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Hoài Bắc

2. Ngày tháng năm sinh: 21/3/1963 ; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Nghĩa hòa, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 42 Hưng Thái 2, phường Tân phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ: 42 Hưng Thái 2, phường Tân phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: 54171232; Điện thoại di động: 0903915070;

Địa chỉ E-mail: lhbac@fit.hcmus.edu.vn

7. Quá trình công tác:

– Từ năm 09/1984 đến năm 08/1991: Giảng viên, Khoa Toán - trường Đại học Qui nhơn, 170 An Dương Vương, Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Qui Nhơn, Bình Định.

– Từ năm 09/1991 đến năm 06/1996: Giảng viên, Khoa Toán, trường Đại học Tổng hợp Tp HCM, 227 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

– Từ năm 07/1996 đến năm 07/2019: Giảng viên, Khoa Công nghệ Thông tin, trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Tp HCM, 227 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn Khoa học Máy tính; Chức vụ cao nhất đã qua: P. Trưởng Khoa.

Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ): Khoa Công nghệ thông tin; trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Tp HCM; Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Địa chỉ cơ quan: 227 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Tp Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: 02838354266.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học;: Không có.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

.....

9. Học vị:

– Được cấp bằng ĐH ngày 25 tháng 11 năm 1990, ngành Toán học, chuyên ngành: Toán học

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Qui nhơn/170 An Dương Vương, Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Qui Nhơn, Bình Định

– Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 03 năm 1993, ngành Tin học, chuyên ngành: Tin học

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Hà nội/Số 1 Đại Cồ Việt, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội

– Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 06 năm 2000, ngành Toán học, chuyên ngành: Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Bộ Giáo dục và Đào tạo - Việt nam/Số 35 Đại Cồ Việt, Hà Nội

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS thời gian: 19/10/2005, ngành: Công nghệ Thông tin

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Hội đồng ngành Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trí tuệ nhân tạo, Tính toán mềm, Khám phá tri thức và Khai thác dữ liệu, Khoa học Dữ liệu

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 11 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã công bố (số lượng) 40 bài báo KH trong nước, 137 bài báo KH trên tạp chí có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 7, trong đó có 7 thuộc nhà xuất bản có uy tín.

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:

Bài báo khoa học tiêu biểu								
TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Loại công bố (chỉ số IF)	Tên tạp chí, kỉ yếu khoa học	Tập	Số	Trang	Năm xuất bản
1	An efficient Hiding High Utility Sequential Patterns	Bac Le, Duy-Tai Dinh, Van-Nam Huynh, Quang-Minh Nguyen, Philippe Fournier-Viger	SCI (KHTN-CN) (IF: 1.982. Q1)	International Journal of Approximate Reasoning (ISSN 0888-613X)	95		77 - 92	2018
2	A pure array structure and parallel strategy for high-utility sequential pattern mining	Bac Le, Ut Huynh, Duy-Tai Dinh	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292. Q1)	Expert Systems with Application. (ISSN: 0957- 4174)	104		107-120	2018
3	FCloSM, FGenSM: Two efficient algorithms for mining frequent closed and generator sequences using the local pruning strategy	Bac Le, Hai Duong, Tin Truong, Philippe Fournier-Viger	SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.397. Q1)	Knowledge and Information Systems. (ISSN: 0219-1377)	53	1	71-107	2017
4	Mining frequent closed inter-sequence patterns efficiently using dynamic bit vectors	Bac Le, Minh-Thai Tran, Bay Vo	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.882. Q2)	Applied Intelligence. (ISSN 0924-669X)	43	1	74-84	2015
5	Rough Set in Features Selection and Reduction in Face Recognition Problem	Le Hoai Bac, Nguyen Anh Tuan		PAKDD 2005. Advances in Knowledge Discovery and Data Mining. (ISBN 978-3-540-26076-9)	3518		226-233	2005

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Nhà giáo Ưu tú, cấp Chủ tịch nước. Mô tả: Số: 1849/QĐ-CTN ngày 06/11/2012.
- Huân chương Lao động Hạng nhì, cấp Chủ tịch nước. Mô tả: Số 2641/QĐ - CTN ngày, 21/12/2017.
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục, cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mô tả: Số: 6633, QĐ/BGD&ĐT, ngày 22/11/2005.
- Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Khuyến học, cấp Ban chấp hành trung ương hội Khuyến học Việt nam. Mô tả: QĐ, KTh số: 185/QĐ-KHVN, ngày 14/11/2014.
- Bằng Lao động Sáng tạo, cấp Ban chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt nam. Mô tả: QĐ số: 411, ngày 11/03/2002.
- Bằng Lao động Sáng tạo, cấp Ban chấp hành Tổng liên đoàn Lao động Việt nam. Mô tả: QĐ số 689/QĐ-TLĐ, ngày

22/04/2008.

- Bằng khen Đã có những đóng góp tích cực trong thực hiện Đề án CDIO tại ĐHQG Tp HCM (2010-2017), cấp Đại học Quốc gia Tp HCM. Mô tả: QĐ số: 1358/QĐ- ĐHQG, ngày 01/12//2017.
- Bằng khen đã có thành tích tiêu biểu phong trào thi đua yêu nước(09/2015 - 06/2018), cấp Đại học Quốc gia Tp HCM. Mô tả: Số: 597/QĐ-ĐHQG. ngày 06/06/2018.
- Chiến sĩ Thi đua cấp Bộ, cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo. Mô tả: Số: 1949/QĐ-BGD&ĐT, ngày 23/05/2018.
- Bằng khen Thủ tướng, cấp Thủ tướng Chính phủ. Mô tả: QĐ số: 105 QĐ/TT, ngày 02/02/2005, Bằng số 23.
- Best Paper of Track, cấp IEEE-FIVF2006. Mô tả: Certificate of Appreciation to Bac Le Hoai, Trung Pham Nam and Nguyen Tuong Vu Le - HCMUNS, Vietnam for Presenting the Best Paper of track Data Visualization, Image Processing & Computer Vision.
- Best Paper Award, cấp IEEE-RIVF2008. Mô tả: The International Program Committee of the 2008 IEEE International Conference on Research, Innovation and Vision for the Future in Computing and Communication Technologies Certifies that paper entitled: "Incorporating statistical background model and joi.
- Best Paper Award, cấp IEEE-RIVF2012. Mô tả: Best Paper Award Presented to Thang Tran Thanh, Chen Fan, Kotani Kazunori, Le Hoai Bac in recognition of outstanding technical paper: " Extraction pf Discriminative Patterns from Skeleton Sequences for Human Action Recognition"..
- Best Paper Award, cấp ICCSA 2014. Mô tả: Best Paper Award Presented to paper titled: " Human Emotion Estimation Using Wavelet Transform and t-ROIs for Fusion of Visible Images and Thermal Image Sequences" .
- Best Special Session, cấp ICCCI 2012. Mô tả: Best Special Session in recognition of professional excellence, the session on ADMTA 2012: Advanced Data Mining Techniques and Appliations.
- Review Board Member, cấp INTERNATIONAL JOURNAL OF APPLIED INTELLIGENCE. Mô tả: This certificate is awarded to Dr. Bac Le Hoai In recognition of continued commitment and service to the International Journal of Applied Intelligence as a Review Board Member.
- Certificate of Reviewing, cấp The Editors of Information Sciences. Mô tả: Awarded since June 2015 presented to BAC LE in recognition of the review contributed to the journal.
- Certificate of Reviewing, cấp The Editors of Pattern Recognition Letters. Mô tả: Awarded since December 2018 presented to BAC LE in recognition of the review contributed to the journal.
- Certificate of Reviewing, cấp The Editors of Expert Systems With Applications. Mô tả: Awarded since November 2017 presented to BAC LE in recognition of the review contributed to the journal.
- Certificate of Outstanding Contribution in Reviewing, cấp The Editors of Engineering Applications of Artificial Intelligence. Mô tả: awarded October 2018 to Bac Le in recognition of the contributions made to the quality of the journal.
- Certificate of Reviewing, cấp The Editors of Applied Soft Computing Journal. Mô tả: Awarded since March 2010 presented to BAC LE in recognition of the review contributed to the journal.
- Certificate of Reviewing, cấp The Editors of Applied Computing and Informatics. Mô tả: Awarded since October 2018 presented to BAC LE in recognition of the review contributed to the journal.
- Certificate of Reviewing, cấp The Editors of Digital Signal Processing. Mô tả: Awarded since October 2014 presented to BAC LE in recognition of the review contributed to the journal.
- Certificate of Reviewing, cấp The Editors of ICT Express. Mô tả: Awarded since July 2019 presented to BAC LE in recognition of the review contributed to the journal.
- Certificate of Outstanding Contribution in Reviewing, cấp The Editors of Journal of King Saud University - Computer and Information Sciences. Mô tả: awarded October 2017 to Bac Le in recognition of the contributions made to the quality of the journal.
- Certificate of Reviewing, cấp The Editors of Journal of Visual Languages and Computing. Mô tả: Awarded since July 2018 presented to BAC LE in recognition of the review contributed to the journal.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Đầy đủ tiêu chuẩn, phẩm chất và đạo đức của nhà giáo, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số 35.

Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2010 - 2011	1	5	13	0	379	300	679.12

2	2011 - 2012	0	5	6	0	467	330	797.41
3	2012 - 2013	1	4	4	0	340	120	459.62
4	2013 - 2014	2	0	5	0	510	270	780.06
5	2014 - 2015	2	1	9	0	524	270	794.40
6	2015 - 2016	1	0	3	0	470	270	739.83
3 thâm niên cuối								
1	2016 - 2017	1	0	3	0	264	270	533.71
2	2017 - 2018	2	0	6	0	540	180	720.44
3	2018 - 2019	2	0	5	0	615	330	944.66

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

– Học ĐH ☐; Tại nước: từ năm:

– Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm:

– Thực tập dài hạn (> 2 năm) ☐; Tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

– Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ... ; Số bằng: ... ; Năm cấp: ...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐ :

– Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

– Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ): Bằng B - Anh Văn - ĐHSP TPHCM (1996)

4. Hướng dẫn thành công NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến.....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Võ Đình Bảy	✓		✓		09/2007 đến 12/2011	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM	2011
2	Trần Ngọc Anh	✓		✓		09/2011 đến 11/2015	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM	2015
3	Trần Minh Thái	✓		✓		09/2012 đến 11/2016	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM	2016
4	Huỳnh Minh Trí	✓			✓	09/2005 đến 05/2014	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM	2014
5	Trần Thành Thắng	✓			✓	09/2011 đến 03/2013	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM - JAIST (Nhật bản)	2014
6	Nguyễn Quốc Huy	✓			✓	09/2011 đến 03/2013	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM - JAIST (Nhật bản)	2014
7	Tô Hoài Việt	✓			✓	09/2011 đến 03/2013	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM - JAIST (Nhật bản)	2014
8	Nguyễn Ngọc Thảo	✓			✓	09/2011 đến 03/2013	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM - JAIST (Nhật bản)	2014
9	Nguyễn Viết Hưng	✓			✓	10/2010 đến 03/2012	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM - JAIST (Nhật bản)	2015
10	Dương Văn Hải	✓		✓		09/2016 đến 09/2019	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM	2019
11	Lê Thị Ngọc Thảo	✓		✓		12/2015 đến 12/2018	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Tp HCM	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

*Giai đoạn Trước Phó Giáo Sư

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phân biên soạn	Xác nhận của CSGDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Bài tập Cơ sở dữ liệu	Giáo trình (ĐH, SDH)	Nhà xuất bản Thống kê (2003), Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông (2011), 2003	02	Viết chung	ĐHKHTN, ĐHTDM, ĐHSG
2	Tin học Đại cương nâng cao	Giáo trình (ĐH, SDH)	Nhà xuất bản Giáo dục, 1998	04	Viết chung	ĐHKHTN, ĐHTDM, ĐHSG

*Giai đoạn Sau Phó Giáo Sư

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phân biên soạn	Xác nhận của CSGDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
3	Lập trình song song trên GPU	Giáo trình (ĐH, SDH)	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 2015	03	Vừa chủ biên vừa tham gia	ĐHKHTN, ĐHTDM
4	Cơ sở trí tuệ nhân tạo	Giáo trình (ĐH, SDH)	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật , 2014	02	Vừa chủ biên vừa tham gia	ĐHKHTN, ĐHTDM, ĐHSG
5	Nhập môn CUDA - Lập trình song song trên GPU	Giáo trình (ĐH, SDH)	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp HCM, 2012	02	Vừa chủ biên vừa tham gia	ĐHKHTN,
6	Ấn dữ liệu và Chia sẻ thông tin	Giáo trình (ĐH, SDH)	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp HCM, 2011	02	Vừa chủ biên vừa tham gia	ĐHKHTN
7	Tin học Đại cương A2	Giáo trình (ĐH, SDH)	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp HCM, 2008	04	Vừa chủ biên vừa tham gia	ĐHKHTN, ĐHTDM, ĐHSG, ĐHCNTT

- Trong đó, sách chuyên khảo xuất bản ở NXB uy tín trên thế giới sau khi được công nhận PGS (đối với ứng viên chức danh GS) hoặc cấp bằng TS (đối với ứng viên chức danh PGS):

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)
1	Phát triển các thuật toán khai thác hiệu quả luật kết hợp trên các loại cơ sở dữ liệu	Chủ nhiệm	102.01-2010.02 - Nafosted (NCCB – Cấp NN), Nhà nước	11/2010 đến 11/2012	29/03/2013
2	Phát triển các thuật toán khai thác mẫu tuần tự và luật từ cơ sở dữ liệu chuỗi	Chủ nhiệm	102.05 – 2013.20 - Nafosted (NCCB – Cấp NN), Nhà nước	03/2014 đến 03/2016	19/12/2015
3	Các thuật toán nâng cao trong khai thác mẫu tuần tự và luật	Chủ nhiệm	102.05 – 2015.07 - Nafosted (NCCB – Cấp NN), Nhà nước	08/2016 đến 08/2018	20/06/2018
4	Nghiên cứu xây dựng hệ thống cung cấp thông tin phục vụ phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu Tin học	Chủ nhiệm	151/1998/HĐKH-CN, Bộ/Sở	02/1998 đến 01/1999	14/11/2001
5	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống hỗ trợ quyết định dựa trên mạng nơron và logic mờ phục vụ công tác chuẩn đoán, khôi phục và dự báo thông tin từ dữ liệu ảnh và tư liệu	Chủ nhiệm	220810 (NCCB), Bộ/Sở	01/2001 đến 09/2003	02/08/2004
6	Nghiên cứu và phát triển một số mô hình áp dụng tính toán mềm cho các hệ thống thông minh	Chủ nhiệm	220804 (NCCB), Bộ/Sở	09/2004 đến 11/2005	13/03/2006

7	Xây dựng giáo trình điện tử hỗ trợ trẻ khuyết thính luyện âm, tập nói và rèn luyện tư duy	Chủ nhiệm	180/HĐ-SKHCN, Bộ/Sở	10/2005 đến 10/2006	31/03/2007
8	Các phương pháp tìm kiếm luật kết hợp và ứng dụng	Chủ nhiệm	B2006 - 18 - 04 (ĐHQG HCM), Bộ/Sở	06/2006 đến 06/2007	08/10/2008
9	Nâng cao tính hiệu quả của các thuật toán khai thác dữ liệu	Chủ nhiệm	B2010 - 18 - 27 (ĐHQG HCM), Bộ/Sở	05/2010 đến 05/2011	15/06/2011
10	Phát triển một số thuật toán truy tìm nhân vật trong các kho dữ liệu lớn	Chủ nhiệm	B2012 -18 -23 (ĐHQG HCM), Bộ/Sở	03/2012 đến 03/2013	28/05/2013
11	Phát triển các thuật toán khai thác tập phổ biến và tập phổ biến đóng trên cơ sở dữ liệu tăng trưởng.	Chủ nhiệm	247/HĐ-SKHCN, Bộ/Sở	12/2011 đến 06/2013	20/03/2014

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học đã công bố:

*Giai đoạn Trước Phó Giáo Sư

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
1	Một số mô hình hệ thống minh lai: Kỹ thuật và ứng dụng	02	Hội nghị Nghiên cứu Cơ bản và ứng dụng CNTT - (NXB KHKT HN 2006)			/	187 – 199	2006
2	Thuật giải tiến hóa xác định tham số học của mạng noron lập ứng dụng cho phân loại hình ảnh hoa	02	Hội thảo Quốc gia về CNTT- (NXB KHKT HN - 2006)			/	47-55	2006
3	Lọc Particle và ứng dụng trong quản lý giao thông đô thị	02	Hội thảo Quốc gia về CNTT - (NXB KHKT HN - 2006)			/	56 – 65	2006
4	Chương trình hỗ trợ trẻ khuyết thính luyện âm qua việc tập hát	02	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ, ĐHQG TP HCM			08/05	5-9	2005
5	Rough Set in Features Selection and Reduction in Face Recognition Problem	02	PAKDD 2005. Advances in Knowledge Discovery and Data Mining. (ISBN 978-3-540-26076-9)			3518/	226-233	2005
6	Fuzzy Support Vector Machine và ứng dụng lọc Email	02	Hội thảo quốc gia về CNTT - (NXB KHKT HN - 2005)			/	34-39	2005
7	Xây dựng giáo trình điện tử hỗ trợ trẻ khuyết thính luyện âm, tập nói và rèn luyện tư duy	02	Hội thảo quốc gia về CNTT - (NXB KHKT HN - 2005)			/	22-27	2005
8	Hệ thống theo dõi giao thông bằng thị giác máy tính	02	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ, ĐHQG TP HCM			07/10	5-12	2004
9	Xây dựng hệ chẩn đoán bệnh dựa trên mạng noron	02	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ, ĐHQG TP HCM			07/4&5	89-98	2004
10	The GA_NN_FL associated model in solving the problem of fingerprint authentication	02	KES 2004 - Knowledge-Based Intelligent Information and Engineering Systems (ISSN 0302-9743)			3214/Part II	708-715	2004
11	Diseases Diagnosis Support Using Rule, Neural Network and Logic	02	KES 2004 - Knowledge-Based Intelligent Information and Engineering Systems (ISSN 0302-9743)			3214/Part II	1114-1120	2004

12	Ứng dụng Mạng nơ ron, Logic mờ và thuật toán di truyền giải quyết bài toán tối ưu hóa công thức và qui trình sản xuất được phẩm	03	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ, ĐHQG TP HCM			06/5&6	5-12	2003
13	Khám phá các yếu tố mang tính qui luật trong âm nhạc	02	Hội thảo Quốc gia: Một số vấn đề chọn lọc của Công nghệ thông tin – (NXB KHKT, HN 2003)			/	20-25	2003
14	Neural network & Genetic algorithm in application to Handwritten character recognition	02	Tạp chí Tin học và Điều khiển học (ISSN 1813 – 9663)			17/04	57-65	2001
15	Sáng tác âm nhạc bằng giải thuật di truyền kết hợp với phát triển tri thức âm nhạc	03	Hội nghị kỷ niệm 25 thành lập Viện Công nghệ Thông tin, Hà nội - 2001			/	403 - 408	2001
16	Using the rules system in music research	02	Hội nghị kỷ niệm 25 thành lập Viện Công nghệ Thông tin - Hà nội - 2001			/	397 - 402	2001
17	Neural network and Fuzzy logic: An application for fingerprint recognition	03	Tạp chí Tin học và Điều khiển học (ISSN 1813 – 9663)			15/03	24-30	1999
18	Một Phương pháp biểu diễn ngôn ngữ tự nhiên dưới dạng tập mờ và ứng dụng trong bài toán phân lớp ảnh để khử nhiễu	02	Journal Science & Technology Development (ISSN 1859 - 0128)			02/2&3	74-80	1999
19	Một thuật toán trong mô hình tri thức quan hệ và ứng dụng	02	Journal Science & Technology Development (ISSN 1859 - 0128)			02/2&3	81-85	1999
20	A fuzzy neural network for Vietnamese character recognition	03	IEEE - ICIP 1999. International Conference on Image Processing (ISBN: 0-7803-5467-2)			1. IEEE/	585-589	1999
21	A Knowledgeable model: Network of C-Objects	03	Hội nghị: APSITT - 1997 Asia-Pacific Symposium on Information and Telecommunication Technologies.			/	15.5.1-15.5.4	1997
22	Hệ chuyên gia phân tích định tính các Cation vô cơ trong dung dịch nước	02	Tuyển tập các báo cáo toàn văn Hội nghị toàn quốc lần thứ hai: Tin học ứng dụng trong Hóa học.Hà nội – 1996			/	313 – 320	1996

*Giai đoạn Sau Phó Giáo Sư

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF) (*)	Số trích dẫn của bài báo	Tập/Số	Trang	Năm công bố
23	FMaxCloHUSM: An efficient algorithm for mining frequent closed and maximal high utility sequences	04	Engineering Applications of Artificial Intelligence. (ISSN 0952-1976)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.526. Q1)		85/	1-20	2019

24	Efficient Vertical Mining of High Average-Utility Itemsets Based on Novel Upper-Bounds	04	IEEE Transactions on Knowledge and Data Engineering. (ISSN 1041-4347)	SCI (KHTN-CN) (IF: 3.857. Q1)		31/2	301-314	2019
25	Fast algorithms for mining maximal erasable patterns	03	Expert Systems with Application. (ISSN: 0957- 4174)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292. Q1)		124/	50-66	2019
26	HUPSMT: an efficient algorithm for mining high utility-probability sequences in uncertain databases with multiple minimum utility thresholds	04	Journal of Computer Science and Cybernetics (ISSN 1813 – 9663)			35/1	1-20	2019
27	A Survey of Privacy Preserving Utility Mining	06	Chương 8 – Sách: High Utility Pattern Mining (Theory, Algorithms and Applications) (ISBN 978-3-030-04920)			51/	207 - 232	2019
28	Mining sequential patterns with itemset constraints	03	Knowledge and Information Systems. (ISSN 0219-1377)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.397. Q1)		57/2	311-330	2018
29	An efficient algorithm for Hiding High Utility Sequential Patterns	05	International Journal of Approximate Reasoning (ISSN 0888-613X)	SCI (KHTN-CN) (IF: 1.982. Q1)		95/	77 - 92	2018
30	A pure array structure and parallel strategy for high-utility sequential pattern mining	03	Expert Systems with Application. (ISSN: 0957- 4174)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292. Q1)		104/	107-120	2018
31	Efficient algorithms for simultaneously mining concise representations of sequential patterns based on extended pruning conditions	03	Engineering Applications of Artificial Intelligence. (ISSN 0952-1976)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.526. Q1)		67/	197-210	2018
32	An efficient algorithm for mining periodic high-utility sequential patterns	04	Applied Intelligence. (ISSN 0924-669X)	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.882. Q2)		48/12	4694-4714	2018
33	Mining web access patterns with super-pattern constraint	03	Applied Intelligence. (ISSN 0924-669X)	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.882. Q2)		48/11	3902-3914	2018

34	Optimized cardinality-based generalized itemset mining using transaction ID and numeric encoding	02	Applied Intelligence. (ISSN 0924-669X)	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.882. Q2)		48/8	2067-2080	2018
35	Aspect-Based Sentiment Analysis of Vietnamese Texts with Deep Learning	02	ACIIDS 2018: 10th - Asian Conference Intelligent Information and Database Systems (Springer) (ISBN 978-3-319-75416-1)			10751/	149-158	2018
36	A Novel Parallel Algorithm for Frequent Itemsets Mining in Large Transactional Databases	02	ICDM 2018: Advances in Data Mining. Applications and Theoretical Aspects. (ISBN 978-3-319-95785-2)			10933/	272-287	2018
37	Recover Water Bodies in Multi-spectral Satellite Images with Deep Neural Nets	05	SoICT 2018: ACM - The Ninth International Symposium on Information and Communication Technology (ISBN 978-1-4503-6539-0)			/	281-288	2018
38	A Novel Algorithm for Frequent Itemsets Mining in Transactional Databases	02	PAKDD 2018: Pacific-Asia Conference on Knowledge Discovery and Data Mining. (ISBN 978-3-030-04502-9).			11154/	243-255	2018
39	An Efficient Parallel Algorithm for Mining Both Frequent Closed and Generator Sequences on Multi-core Processors	03	NICS – 2018 IEEE – 5th NAFOSTED Conference on Information and Computer Scienc (ISBN: 978-1-5386-7984-5)			/	154-159	2018
40	FCloSM, FGenSM: Two efficient algorithms for mining frequent closed and generator sequences using the local pruning strategy	04	Knowledge and Information Systems. (ISSN: 0219-1377)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 2.397. Q1)		53/1	71-107	2017
41	A survey of itemset mining	06	Wiley Interdisc. Rew: Data Mining and Knowledge Discovery. (ISSN: 1942-4795)	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.541. Q1)		7/4	1-18	2017
42	Mining top-k co-occurrence items with sequential pattern	05	Expert Systems With Applications. (ISSN: 0957- 4174)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292. Q1)		85/	123–133	2017
43	Efficiently mining association rules based on maximum single constraints	03	Vietnam Journal of Computer Science. (ISSN 2196-8888)	Khác		4/4	261–277	2017
44	Distributed Algorithm for Sequential Pattern Mining on a Large Sequence Dataset	03	KSE 2017: IEEE - The 9th International Conference on Knowledge and Systems Engineering. (ISBN: 978-1-5386-3577-3)			/	18-23	2017
45	Multi-channel LSTM - CNN model for Vietnamese sentiment analysis	04	KSE 2017: IEEE - The 9th International Conference on Knowledge and Systems Engineering. (ISBN: 978-1-5386-3577-3)			/	24 - 29	2017

46	Adaptive cascade threshold learning from negative samples for deformable part models	03	ICIP 2017: IEEE - International Conference on Image Processing (ISBN 978-1-5090-2176-5)			/	1547 – 1551	2017
47	Flexible 3d neighborhood cascade deformable part models for object detection	03	ICIP 2017: IEEE- International Conference on Image Processing. (ISBN 978-1-5090-2176-5).			/	910 – 914	2017
48	A Method for Early Pruning a Branch of Candidates in the Process of Mining Sequential Patterns	03	ACIIDS 2017: The 9th - Asian Conference, Intelligent Information and Database Systems (Springer) (ISBN 978-3-319-54471-7)			10191/Part I	487- 497	2017
49	Mining Periodic High Utility Sequential Patterns	03	ACIIDS 2017: The 9th - Asian Conference, Intelligent Information and Database Systems (Springer) (ISBN 978-3-319-54471-7)			10191/Part I	545 – 555	2017
50	A Comprehensive Survey on Human Activity Prediction	04	ICCSA - 2017: International Conference on Computational Science and Its Application (Springer) (ISBN 978-3-319-62391-7)			10404/	411- 425	2017
51	Applied Cuckoo Algorithm for Association Rule Hiding Problem	03	SoICT 2017: ACM - The Eighth International Symposium on Information and Communication Technology. (ISBN 978-1-4503-5328-1)			/	26-33	2017
52	Mining non-redundant sequential rules with dynamic bit vectors and pruning techniques	04	Applied Intelligence. (ISSN 0924-669X)	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.882. Q2)		45/2	333-342	2016
53	An efficient approach for mining frequent item sets with transaction deletion operation	05	Int. Arab J. Inf. Technol. (ISSN:1683-3198)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.724. Q2)		13/5	595-602	2016
54	Khai thác k mẫu tuần tự tối đại sử dụng cây dữ liệu chiều tiền tố.	02	Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông. Chuyên san: Các công trình NC, PT và UD CNTT – TT. (ISSN 1859 – 3526)			V-1/15(35)	76 - 85	2016
55	MHHUSP: An integrated algorithm for mining and Hiding High Utility Sequential Patterns	04	KSE 2016: IEEE – The 8th International Conference on Knowledge and Systems Engineering. (ISBN 978-1-4673-8929-7)			/	13-18	2016
56	Scoring Explanatoriness of a Sentence and Ranking for Explanatory Opinion Summary	03	ACIID 2016: Recent Developments in Intelligent information and Database systems. (Springer) (ISBN 978-3-319-31276-7)			642/	277-286	2016
57	Mining Correlated High-Utility Itemsets Using the Bond Measure	04	HAIS 2016: Hybrid Artificial Intelligent Systems (ISBN 978-3-319-32033-5)			9648/	53-65	2016
58	Thuật toán hiệu quả khai thác tập phổ biến tối đại trên cơ sở dữ liệu giao dịch lớn	02	FAIR'9 - 2016 Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ IX -Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin; DOI: 10.15625/vap.2016.0009			/	721 - 728	2016

59	CCAR: An efficient method for mining class association rules with itemset constraints	03	Engineering Applications of Artificial Intelligence. (ISSN 0952-1976)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.526. Q1)		37/	115 -124	2015
60	An efficient and effective algorithm for mining top-rank-k frequent patterns	04	Expert Systems with applications. (ISSN 0957- 4174)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292. Q1)		42/1	156-164	2015
61	Combination of dynamic bit vectors and transaction information for mining frequent closed sequences efficiently	03	Engineering Applications of Artificial Intelligence. (ISSN 0952-1976)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.526. Q1)		38/	183-189	2015
62	Mining frequent closed inter-sequence patterns efficiently using dynamic bit vectors	03	Applied Intelligence. (ISSN 0924-669X)	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.882. Q2)		43/1	74-84	2015
63	Fast updated frequent-itemset lattice for transaction deletion	04	Data & Knowledge Engineering. (ISSN: 0169-023X)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 1.583. Q2)		96/	78-89	2015
64	EIFDD: An efficient approach for erasable itemset mining of very dense datasets	04	Applied Intelligence. (ISSN 0924-669X)	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.882. Q2)		43/1	85-94	2015
65	A visual framework for Spatial Data mining	02	Journal Information Technologies & Communications (ISSN 1859 – 3534)			E-3/8(12)	67 – 72	2015
66	A Novel Approach for Hiding High Utility Sequential Patterns	03	SoICT 2015: ACM - 6th International Symposium on Information and Communication Technology (ISBN: 978-1-4503-3843-1)			/	121-128	2015
67	Twitter sentiment analysis using machine learning Technique	02	ICCSAMA 2015: 3rd International Conference on Computer Science, Applied Mathematics and Applications. Advances in Intelligent and Computing (Springer) (ISBN 978-3-319-17995-7)			358/	279-289.	2015
68	Discovering Erasable Closed Patterns	04	ACIIDS 2015: Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems (Springer) (ISBN 978-3-319-15701-6)			9011/	368-376	2015
69	An Efficient Model for Simultaneous Face Detection, Pose Estimation and Landmark Localisation	03	KSE 2015: IEEE - Knowledge and Systems Engineering (ISBN: 978-1-4673-8013-3)			/	13-18	2015

70	An Approach for mining Non – Redundant sequential Rules Efficiently	04	NICS – 2015: 2nd national foundation for Science and Technology development conference on Information and Computer Science (ISBN 978-1-4673-6639-7)			/	277 – 282	2015
71	A Novel Integration of Intensity Order and Texture for Effective Feature Description	03	IEICE TRANSACTIONS on Information and Systems. (ISSN 0916-8532)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.576)		97/8	2021-2029	2014
72	Extraction of Discriminative Patterns from Skeleton Sequences for Accurate Action Recognition	04	Fundamenta Informaticae. (ISSN 0169-2968).	SCIE (KHTN-CN) (IF: 1.204. Q2)		30/2	247-261	2014
73	Incrementally building frequent closed itemset lattice	03	Expert Systems with Applications. (ISSN: 0957-4174).	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292. Q1)		41/6	2703-2712	2014
74	Efficient strategies for parallel mining class association rules	03	Expert Systems with Application. (ISSN: 0957- 4174)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292. Q1)		41/10	4716-4729	2014
75	Improving Efficiency of Incremental Mining by Trie Structure and Pre-Large Itemsets	05	Computing and Informatics. (ISSN 1335-9150).	SCIE (KHTN-CN) (IF: 0.41. Q3)		33/3	609 - 632	2014
76	Simultaneous mining of frequent closed itemsets and their generators: Foundation and algorithm	03	Engineering Applications of Artificial Intelligence. (ISSN 0952-1976)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 3.526. Q1)		36/	64-80	2014
77	An effective approach for maintenance of pre-large-based frequent-itemset lattice in incremental mining	04	Applied Intelligence. (ISSN 0924-669X).	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.882. Q2)		41/3	759-775	2014
78	Structures of frequent itemsets and classifying structures of association rule set by order relations	03	International Journal of Intelligent Information and Database Systems. (ISSN: 1751-5858).	Scopus (KHTN-CN)		08/04	295-323	2014
79	An Ontological Approach for Representation of Educational Program	03	International Journal of Knowledge and Systems Science. (ISSN:1947-8208).	Scopus (KHTN-CN)		5/3	18-35	2014
80	IMSR_PreTree: an improved algorithm for mining sequential rules based on the prefix-tree	03	Vietnam Journal of Computer Science. (ISSN 2196-8888).	Khác		1/2	97 - 105	2014

81	A robust fingerprint watermark-based authentication scheme in H. 264/AVC video	03	Vietnam Journal of Computer Science. (ISSN 2196-88880).	Khác		1/3	193-206	2014
82	Một phương pháp mới khai thác các mẫu hữu ích cao thủ vị	03	Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông. (ISSN 1859 – 3526)			V-1/12(32)	14-21	2014
83	A Novel Method for Mining Class Association Rules with Itemset Constraints	03	ICCCI 2014: International Conference on Computational Collective Intelligence (Springer) (ISBN 978-3-319-11288-6)			8733/	494-503	2014
84	Contextual Labeling 3D Point Clouds with Conditional Random Fields	02	ACIIDS 2014: Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems (Springer) (ISBN 978-3-319-05475-9)			8397/	581-590	2014
85	A new approach for mining top-rank-k erasable itemsets	04	ACIIDS 2014: Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems (Springer) (ISBN 978-3-319-05475-9)			8397/	73-82	2014
86	Subsume Concept in Erasable Itemset Mining	05	ICCCI 2014 International Conference on Computational Collective Intelligence (Springer) (ISBN 978-3-319-11288-6)			8733/	515-523	2014
87	Human Emotion Estimation Using Wavelet Transform and t-ROIs for Fusion of Visible Images and Thermal Image Sequences	04	ICCSA 2014 International Conference on Computational Science and Its Applications (Springer) (ISBN 978-3-319-09152-5)			8584/	224-235	2014
88	An Effective Initialization for ASM-Based Methods	03	CISIM 2014: Computer Information Systems and Industrial Management (Springer) (ISBN 978-3-662-45236-3)			8838/	421-432	2014
89	Link Prediction in Social Networks Based on Local Weighted Paths	03	FDSE 2014 Future Data and Security Engineering (Springer) (ISBN 978-3-319-12777-4)			8860/	151-163	2014
90	Enhancing the mining top-rank-k frequent patterns	04	SMC 2014: IEEE - International Conference on Systems, Man and Cybernetics (ISSN: 1062-922X)			/	2008 – 2012	2014
91	A new method for mining Frequent Weighted Itemsets based on WIT-trees	03	Expert Systems with Applications (ISSN: 0957-4174)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292. Q1)		40/4	1256-1264	2013
92	A lattice-based approach for mining most generalization association rules	03	Knowledge-Based Systems (ISSN 0950-7051)	SCI (KHTN-CN) (IF: 5.101. Q1)		45/	20-30	2013
93	Một số cải tiến thuật toán INDEX-BITTABLEFI cho khai thác tập phổ biến	03	Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông. (ISSN 1859 – 3526)			V-1/9(29).	30-38	2013
94	A thermal facial emotion database and its analysis	04	PSIVT 2013: Pacific-Rim Symposium on Image and Video Technology (Springer) (ISBN 978-3-642-53841-4)			8333/	397- 408	2013

95	Discovering missing links in large-scale linked data	03	ACIIDS 2013. Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems (Springer) (ISBN 978-3-642-36542-3)			7803/	468-477	2013
96	A space-time trade off for FUIP-trees maintenance	04	ACIIDS 2013. Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems (Springer) (ISBN 978-3-642-36542-3)			7803/	206 - 214.	2013
97	An Approach for Mining Concurrently Closed Itemsets and Generators	03	Advanced Computational Methods for Knowledge Engineering. (Springer) (SCI) (ISBN 978-3-319-00292-7)	SCI (KHTN-CN)		479/	355-366	2013
98	An efficient algorithm for mining frequent itemsets with single constraint	03	Advanced Computational Methods for Knowledge Engineering.(Springer) (SCI) (ISBN 978-3-319-00292-7)	SCI (KHTN-CN)		479/	367-378	2013
99	Maintenance of IT-Tree for Transactions Deletion	05	Advanced Methods for Computational Collective Intelligence (Springer) (SCI) (ISBN 978-3-642-34299-8)	SCI (KHTN-CN)		457/	157 – 166	2013
100	Constructing and Modeling Parcel Boundaries from a Set of Lines for Querying Adjacent Spatial Relationships	02	ICCSA 2013 International Conference on Computational Science and Its Applications. (Springer) (ISBN 978-3-642-39636-6)			7971/Part I	540-549	2013
101	Maintenance of a frequent-itemset lattice based on pre-large concept	04	KSE 2013: Knowledge and Systems Engineering. (Springer) (978-3-319-02820-0)			254/Part II	295-305	2013
102	An Approach for Mining Association Rules Intersected with Constraint Itemsets	03	KSE 2013: Knowledge and Systems Engineering. (Springer) (ISBN 978-3-319-02820-0)			254/Part II	351-363	2013
103	On the Semantics of Defeasible Reasoning for Description Logic Ontologies	03	KSE 2013: Knowledge and Systems Engineering (Springer) (ISBN 978-3-319-02740-1)			244/Part II	51-63	2013
104	Effective Feature Description using Intensity Order Local Binary Pattern	03	CW 2013: IEEE - International Conference on Cyberworlds. (ISBN: 978-1-4799-2246-8)			/	175-182	2013
105	Learned and designed features for sparse coding in image classification	04	RIVF 2013: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future. (ISBN 978-1-4799-1350-3)			/	237 – 241	2013
106	A Decision-making based Feature for Link Prediction in Signed Social Networks	03	RIVF 2013: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future. (ISBN 978-1-4799-1350-3)			/	169 – 174	2013
107	Noise reduction approach for LSB matching revisited	02	RIVF 2013: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future. (ISBN 978-1-4799-1350-3)			/	76 – 79	2013
108	Demystifying Sparse Rectified Auto-Encoders	02	SoICT 2013: ACM – The 4th Symposium on Information and Communication Technology (ISBN: 978-1-4503-2454-0)			/	101 – 107	2013
109	Automatic extraction of semantic action features	04	SITIC 2013: IEEE - International Conference on Signal-Image Technology & Internet-Based Systems, (ISBN: 978-1-4799-3211-5)			/	148 – 155	2013

110	An Apriori-like algorithm for automatic extraction of the common action characteristics	04	VCIP 2013: IEEE - Visual Communications and Image Processing. (ISBN: 978-1-4799-0290-3)			/	1-6	2013
111	Mining most generalization association rules based on frequent closed itemset	03	Int. J. of Innovative Computing Information and Control. (ISSN 1349-4198).	SCIE (KHTN-CN) (IF: 1.664. Q2)		8.10B /	7117-7132	2012
112	DBV-Miner: A Dynamic Bit-Vector approach for fast mining frequent closed itemsets.	03	Expert Systems with Applications. (ISSN: 0957 - 4174)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292. Q1)		39/8	7196-7206	2012
113	Đảm bảo tính riêng tư và chống thông đồng trong khai thác luật kết hợp trên dữ liệu phân tán ngang	03	Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông. (ISSN 1859 – 3526)			V-1/7(27)	60-70	2012
114	Structures of Association rule set	03	ACIIDS 2012: Intelligent Information and Database Systems. (Springer) (ISBN: 978-3-642-28489-2)			7197/	361-369	2012
115	An enhanced scheme for privacy-preserving association rules mining on horizontally distributed databases	03	RIVF 2012: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (ISBN: 978-1-4673-0308-8)			/	29-32	2012
116	Mining Association Rules Restricted on constraint	04	RIVF 2012: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (ISBN: 978-1-4673-0308-8)			/	51-61	2012
117	An efficient incremental mining approach based on IT-tree	04	RIVF 2012: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (ISBN: 978-1-4673-0308-8)			/	62-67	2012
118	Gabor Wavelet – Based appearance Models	04	RIVF 2012: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (ISBN: 978-1-4673-0308-8)			/	254 – 259	2012
119	Higher order conditional random field for multi-label interactive image segmentation	04	RIVF 2012: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (ISBN: 978-1-4673-0308-8)			/	282 – 285	2012
120	Mining Frequent Itemsets with Dualistic Constraints	04	PRICAI 2012: Pacific Rim International Conference on Artificial Intelligence. (Springer) (ISSN 0302 – 9743).			7458/	807-813	2012
121	Incremental spatial clustering in data mining using genetic algorithm and R-tree	02	SEAL 2012: Simulated Evolution and Learning. (Springer) (ISBN 978-3-642-34858-7)			7673/	270-279	2012
122	Simple Spatial Clustering Algorithm Based on R-tree	02	MIWAI 2012: Multi-disciplinary Trends in Artificial Intelligence. (Springer) (ISSN 0302-9743)			7694/	236-245	2012

123	Learning approach for domain-independent linked data instance matching	03	MDS 2012: Proceedings of the ACM SIGKDD Workshop on Mining Data Semantics (ISBN: 978-1-4503-1546-3)			/		2012
124	SLINT: a schema-independent linked data interlinking system.	03	OM 2012: The Seventh International Workshop on Ontology Matching (http://ceur-ws.org/Vol-946/)			964/	1-12	2012
125	Interlinking Linked Data Sources Using a Domain-Independent System	03	JIST 2012: The 2nd Joint International Semantic Technology Conference (Springer) (ISSN. 0302-9743)			774/	113-128	2012
126	Maintenance of DBV-Trees for Transaction Insertion	04	TAAI 2012: IEEE - Technologies and Applications of Artificial Intelligence (ISSN 2376-6816)			/	165 – 170	2012
127	Extracing important patterns for Building state-Action Evaluation function in Othello	03	TAAI 2012: IEEE - Technologies and Applications of Artificial Intelligence (ISSN 2376-6816)			/	278-283	2012
128	A tree-based approach for mining frequent weighted utility itemsets	03	ICCCI 2012: Computational Collective Intelligence. Technologies and Applications. (Springer) (ISBN 978-3-642-34629-3)			7653/	114-123.	2012
129	Interestingness measures for association rules: Combination between lattice and hash tables	02	Expert Systems with Applications (ISSN: 0957-4174)	SCIE (KHTN-CN) (IF: 4.292. Q1)		38/9	11630 - 11640	2011
130	A high quality and small shadow size visual secret sharing scheme based on hybrid strategy for grayscale images	04	Digital Signal Processing. (ISSN 1051-2004)	SCI (KHTN-CN) (IF: 2.792. Q2)		21/6	734-745	2011
131	Mining minimal non-redundant association rules using frequent itemsets lattice	02	International journal of intelligent systems technologies and applications. (ISSN 1740-8865)	Scopus (KHTN-CN)		10/1	92-106	2011
132	An efficient strategy for mining high utility itemsets	03	International Journal of Intelligent Information and Database Systems. (ISSN 1751-5858).	Scopus (KHTN-CN)		5/2	164-176	2011
133	Nâng cao độ chính xác của thuật toán Space-Saving	02	Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông (ISSN 1859 – 3526)			V-1/25	42 – 51	2011
134	Mô hình chứng thực dựa trên ảnh vân tay	03	Tạp chí Tin học và Điều khiển học. (ISSN 1813-9663)			27/02	154– 165	2011
135	An Approach to Main Web Content and Keyword Extraction to develop a Vietnamese contextual Advertising Engine.	02	Journal Information Technologies & Communications (ISSN 1859 – 3534)			E-1/4(8)	39 - 48	2011
136	A Simple Algorithm for finding fast, exactly tiles intersect with polygons	03	Journal of Science and Technology. Vietnamese Academy of Science and Technology. (ISSN 0866 708X)			49/5	69 – 78	2011
137	Efficient Image Segmentation Incorporating Photometric and Geometric Information	04	IMECS – 2011: The International MultiConference of Engineering and Computer Sciencetics. (ISSN 978-988-18201-3-4)			1/		2011

138	Mining Sequential Rules Based on Prefix-Tree	03	New Challenges for Intelligent Information and Database Systems. Studies in Computational Intelligence (Springer) (ISBN 978-3-642-19952-3)	SCI (KHTN-CN)		351/	147-156	2011
139	Mining frequent itemsets from multidimensional databases.	03	ACIIDS 2011: Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems (Springer) (ISSN 0302-9743)			6591/	177-186	2011
140	Efficient Algorithms for Mining Frequent Itemsets with Constraint	04	KSE 2011: IEEE - The third international conference on Knowledge and Systems Engineering (ISBN: 978-1-4577-1848-9)			/	19-25	2011
141	Applying hierarchical information with learning approach for activity recognition	03	IUKM 2011: International Symposium on integrated uncertainty in knowledge modelling and decision making. (Springer) (ISBN 978-3-642-24918-1)			7027/	231-242	2011
142	Incremental Mining Frequent Itemsets based on the Trie Structure and the Pre-Large Itemsets	04	GC 2011: IEEE - International Conference on Granular Computing (ISBN 978-1-4577-0372-0)			/	369-373	2011
143	Keystroke dynamics extraction by independent component analysis and bio-matrix for user authentication	03	PRICAI 2010: Trends in Artificial Intelligence. (Springer) (ISSN 978-3-642-15245-0)			6230/	477-486	2011
144	Mining the Most Generalization Association Rules	02	Advances in Intelligent Information and Database Systems (Springer) – SCI. (ISBN 978-3-642-12089-3)	SCI (KHTN-CN)		283/	207-216	2010
145	Mining informative rule set for prediction over a sliding window	03	ACIIDS 2010: Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems (Springer) (ISBN 978-3-642-12100-5)			5991/	431-440	2010
146	User Authentication via Keystroke Dynamics Using Bio-matrix and Fuzzy Neural Network	04	IUMA 2010: Integrated Uncertainty Management and Applications (Springer) (ISBN 978-3-642-11959-0)			68/	501 – 510	2010
147	Applying HTM-Based System to Recognize Object in Visual Attention	03	IIMSS 2010: Smart Innovation, Systems and Technologies (Springer). (Book-Chapter) - (ISBN 978-3-642-14619-0)			6/	79-90.	2010
148	Detecting hidden relations in geographic data	03	SEMAPRO 2010: The Fourth International Conference on Advances in Semantic Processing (ISBN 978-1-61208-104-5)			/	61-68	2010
149	Efficient Algorithms for Mining Frequent Weighted Itemsets from Weighted Items Databases	03	RIVF 2010: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (ISBN: 978-1-4244-8074-6)			/	1-6	2010
150	GPU implementation of extended gaussian mixture model for background subtraction	04	RIVF 2010: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (ISBN: 978-1-4244-8074-6)			/	258 – 261	2010
151	Combining Color and Texture for A Robust Interactive Segmentation Algorithm	03	RIVF 2010: IEEE - Computing and Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future (ISBN: 978-1-4244-8074-6)			/	330-333	2010

152	Vecto Bit động : cách tiếp cận mới để khai thác tập phổ biến	02	Tuyển tập công trình nghiên cứu công nghệ thông tin và truyền thông 2010, Nhà xuất bản khoa học-kỹ thuật			/	47 - 52	2010
153	Sharing a verifiable secret image using two shadows	04	Pattern Recognition (ISSN: 0031-3203)	SCI (KHTN-CN) (IF: 5.898. Q1)		41/11	3097-3114	2009
154	Self-verifying visual secret sharing using error diffusion and interpolation techniques	04	IEEE Transations on Information Forensics and Security. (ISSN: 1556-6013).	SCI (KHTN-CN) (IF: 6.211. Q1)		4/4	790-801	2009
155	Ứng dụng dàn tập đóng trong khai thác luật thiết yếu nhất	02	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ, ĐHQG TP HCM (ISSN 1859 – 0128)			12/11	49-56	2009
156	Lip detection in Video using AdaBoost and Kalman filtering	03	Journal Information Technologies & Communications. (ISSN 0866 – 7039)			E-1/2(6)	2-8	2009
157	Recognizing objects in images using visual attention schema	02	KES IIMSS 2009: New Directions in Intelligent Interactive Multimedia Systems and Services (Springer) - (SCI, Book- Chapter) (ISSN 978-3-642-02936-3)	SCI (KHTN-CN)		266/	129 - 144	2009
158	A novel algorithm for mining high utility itemsets	04	ACIIDS 2009: IEEE - Asian Conference on, Intelligent Information and Database Systems, Asian Conference (ISBN: 978-0-7695-3580-7)			/	13-17	2009
159	Boosted of Haar-like Features and Local Binary Pattern Based Face Detection	04	RIVF 2009: IEEE - International Conference on Computing and Communication Technologies (ISBN: 978-1-4244-4566-0)			/	1-4	2009
160	On Evaluating Sport Event Recognition using Bag-of-Words Model	03	RIVF 2009: IEEE - International Conference on Computing and Communication Technologies (ISBN: 978-1-4244-4566-0)			/	1-4	2009
161	Mining high utility itemsets from vertical distributed databases	03	RIVF 2009: IEEE - International Conference on Computing and Communication Technologies (ISBN: 978-1-4244-4566-0)			/	1-4	2009
162	An Adaptive Machine Learning Framework with User Interaction for Ontology Matching	03	The IJCAI 2009 Workshop on Information Integration on the Web, California-USA			I. 3540/		2009
163	Mining Traditional Association Rules using Frequent Itemsets Lattice	02	CIE 2009: IEEE- International conference on Computers & Industrial Engineering (ISBN: 978-1-4244-4135-8)			/	1401 – 1406	2009
164	Parallel Method for Mining High Utility Itemsets from Vertical Distributed Databases	04	KES 2009: International Conference on Knowledge-Based and Intelligent Information and Engineering Systems (Springer) (ISBN 978-3-642-04594-3)			5711/	251-260	2009
165	Detecting probable regions of humans in still images using raw edges	03	KSE 2009: IEEE - Knowledge and Systems Engineering (ISBN: 978-1-4244-5086-2)			/	73-80	2009

166	An extreme algorithm for network-topology construction based on constrained Delaunay triangulation.	03	KSE 2009: IEEE - Knowledge and Systems Engineering. (ISBN: 978-1-4244-5086-2)			/	179 – 184	2009
167	Ứng dụng mạng Noron và SVM vào phát triển thuật toán Watermarkinh ảnh màu	03	Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông. (ISSN 0866 – 7039).			/20	124–134	2008
168	A Novel Classification Algorithm based – on Association rules mining	02	PKAW 2008: Knowledge Acquisition: Approaches, Algorithms and Applications. (Springer) (ISBN 978-3-642-01714-8)			5465/	61-75.	2008
169	A Multi-modal Particle Filter Based Motorcycle Tracking System	02	PRICAI 2008: Trends in Artificial Intelligence (Springer) (ISSN 978-3-540-89196-3)			5351/	819-828	2008
170	Incorporating Statiscal Background Model and Joint Probabilistic Data Association Filter into Motorcycle Tracking	02	RIVF 2008: IEEE - Research & Innovation and Vision for the Future in Computing & Communication Technologies. (ISBN 978-1-4244-2379-8)			/	284-291	2008
171	A New Probabilistic Visual Secret Sharing Scheme for Color Images	04	IIH-MSP 2008: IEEE - International Conference on Intelligent Information Hiding and Multimedia Signal Processing (ISBN: 978-0-7695-3278-3)			/	1305-1308	2008
172	Detal Radiographs Segmentation Based on Tooth Anatomy	02	RIVF 2008: IEEE - Research & Innovation and Vision for the Future in Computing & Communication Technologies (ISBN: 978-1-4244-2379-8)			/	64-69	2008
173	Thuật giải di tuyến trong bài toán đối sánh vân tay	02	FAIR – 2007: Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ Thông tin. (Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật – 2008)			/	321 – 333.	2008
174	Lọc Particle dựa trên màu ứng dụng vào hệ thống theo dõi giao thông	02	Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông (ISSN 0866 – 7039)			/18	52 - 59	2007
175	Thuật toán tìm nhanh Minimal Generator của tập phổ biến đóng.	02	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ, ĐHQG TP HCM. (ISSN 1859 – 0128).			/10	11-20	2007
176	Watermarking trên âm thanh số bằng kỹ thuật trải phổ kết hợp mô hình hệ thống thích giác	04	Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông (ISSN 0866 – 7039)			/16	78-85	2006

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

Chú thích: (*) gồm SCI, SCIE, ISI, Scopus (KHTN-CN); SSCI, A&HCI, ISI và Scopus (KHXXH-NV); SCI nằm trong SCIE; SCIE nằm trong ISI; SSCI và A&HCI nằm trong ISI.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:

*Giai đoạn Trước Phó Giáo Sư Không có.

*Giai đoạn Sau Phó Giáo Sư Không có.

- Trong đó, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...):

*Giai đoạn Trước Phó Giáo Sư

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
----	-----------------	-------------------------------	-----------------------------------	------------

1	Giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt nam năm 2001 (Giải khuyến khích)	Bộ Khoa học Công nghệ và môi trường – Liên hiệp các hội KH&KT Việt nam	Số: 85/QĐ , 31/1/2002	2
---	--	--	-----------------------	---

*Giai đoạn Sau Phó Giáo Sư

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
2	Công bố Khoa học xuất sắc	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	Số: 1678/QĐ-ĐHQG, 28/12/2018	1
3	Giải thưởng Sáng tạo Khoa học và Công nghệ Việt nam năm 2007 (Giải Ba)	Bộ Khoa học Công nghệ và môi trường – Liên hiệp các hội KH&KT Việt nam	Số: 355 QĐ – LHH , 1/4/2008	1
4	Triển lãm sáng tạo Quốc tế lần thứ 4 tại Seoul – Hàn Quốc (Huy chương Đồng)	Korea Invention Promotion Association	264/VP, 15/12/2008	1
5	Giải nhất: Sáng tạo sản phẩm Công nghệ Thông tin và Truyền thông vì người Khuyết tật. Giải thưởng “ICT – Thắp sáng niềm tin”	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	Số: 507/ QĐ – LĐTBOXH, 18/4/2007	4

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học:

TT	Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò: Chủ trì/Tham gia	Tên cơ sở giáo dục đại học
1	Xây dựng thí điểm chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Khoa học máy tính theo CDIO, thuộc đề án “Mô hình giáo dục 4.0 trên nền tảng áp dụng CDIO hiện đại tại ĐHQG-HCM, giai đoạn 2018 - 2022”	Tham gia	Trường ĐHKHTN , ĐHQGHCM
2	Xây dựng và điều hành đề án phối hợp đào tạo trình độ thạc sĩ lĩnh vực Công nghệ thông tin giữa Đại học Quốc gia TP.HCM với Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật bản (JAIST), giai đoạn 2013 – 2017.	Chủ trì	Trường ĐHKHTN , ĐHQGHCM - JAIST (Nhật bản)
3	Xây dựng và điều hành đề án phối hợp đào tạo thạc sĩ Công nghệ thông tin giữa trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHQG-HCM) với Viện Khoa học và Công nghệ tiên tiến Nhật bản (JAIST), giai đoạn 2008 – 2012 (thuộc Đề án 322).	Chủ trì	Trường ĐHKHTN , ĐHQGHCM - JAIST (Nhật bản)
4	Xây dựng và phụ trách chương trình đào tạo ngành Khoa học Máy tính bậc thạc sĩ và tiến sĩ	Chủ trì	Trường ĐHKHTN , ĐHQGHCM
5	Xây dựng và phụ trách chương trình đào tạo cử nhân ngành Khoa học máy tính theo CDIO, thuộc đề án “Mô hình giáo dục 4.0 trên nền tảng áp dụng CDIO hiện đại tại ĐHQG-HCM, giai đoạn 2018 - 2022”	Chủ trì	Trường ĐHKHTN , ĐHQGHCM
6	Đề án CDIO (Conceive - Design - Implement - Operate)	Chủ trì	Trường ĐHKHTN , ĐHQGHCM
7	Xây dựng và phụ trách chương trình đào tạo Đại học ngành Khoa học Máy tính	Chủ trì	Trường ĐHKHTN , ĐHQGHCM
8	Xây dựng và quản lý chương trình Đào tạo từ xa qua mạng ngành CNTT (Cử nhân)	Tham gia	Trường ĐHKHTN , ĐHQGHCM
9	Xây dựng chương trình đào tạo hệ Hoàn chỉnh Đại học ngành CNTT	Tham gia	Trường ĐHKHTN , ĐHQGHCM
10	Xây dựng và quản lý chương trình đào tạo hệ Cao đẳng CNTT	Tham gia	Trường ĐHKHTN , ĐHQGHCM

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☐
- Hướng dẫn NCS, ThS: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người đăng ký
(Ghi rõ họ tên, ký tên)

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

– Về những nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên đã kê khai.

– Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

....., ngày.....tháng.....năm.....

Thủ trưởng cơ quan
(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)